

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2021/HC-PT

Ngày 26/10/2021

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong
quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh

Các Thẩm phán: Ông Mai Xuân Thành

Bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Bà Bùi Ngô Ý Nhi, Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 203/2021/TLPT-HC ngày 18 tháng 5 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2021/HC-ST ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Đặng Minh H, sinh năm 1951. Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk- Có mặt. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Nghiêm D, sinh năm 1976. Địa chỉ: thành phố Hà Nội- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Ngọc N - Chức vụ: Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Tuấn H - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Trần Đình N - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và ông Phạm Văn P - Phó Chi cục Quản lý đất đai. Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk- Có đơn xin

xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty cổ phần cao su Đ. Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. *Người đại diện theo pháp luật:*

Ông Nguyễn Viết T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cao su tỉnh Đắk Lắk.

Ông Bùi Quang N - Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty cổ phần cao su tỉnh Đắk Lắk. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Văn D - Chức vụ: Phó phòng nhân sự - Pháp chế Công ty cổ phần cao su Đ. Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chi nhánh Công ty cổ phần cao su Đ - Nông trường Cao Su C. Địa chỉ: Tỉnh Đắk Lắk. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Trường T - chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn D - Chức vụ: Phó phòng nhân sự - Pháp chế Công ty cổ phần cao su tỉnh Đắk Lắk- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo ông Đặng Minh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của người khởi kiện và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Nghiêm D trình bày:

Ông Đặng Minh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Hủy toàn bộ Quyết định hành chính số 1179/QĐ-UB ngày 02/5/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk “về việc cấp giấy Chứng nhận QSDĐ số P002633 ngày 02/05/2001 cho Nông trường cao su C” và yêu cầu UBND tỉnh Đắk Lắk buộc phải thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ số P002633 của Nông trường Cao su C.

2. Hủy toàn bộ Quyết định hành chính số 2477 ngày 22/09/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk “về việc cho Nông trường cao su C thuê 11.873.776m² đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 204476 cho Nông trường cao su C đối với diện tích đất nêu trên” và yêu cầu UBND tỉnh Đắk Lắk buộc phải thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ số AM 204476 của Nông trường cao su C.

3. Yêu cầu UBND tỉnh Đắk Lắk buộc phải thu hồi toàn bộ diện tích đất của Nông trường Cao su C do giao đất và cho thuê đất sai đối tượng; giao đất trực tiếp và cho Công ty Phúc Nguyên do ông H thành lập (có tư cách pháp nhân có giấy chứng nhận kinh doanh về trồng cao su thuê) tiếp tục thuê đất

trồng cao su theo quy định quản lý nhà nước về đất đai đối với 50 ha đất mà ông H đang trực tiếp quản lý và sử dụng. Hoặc giao lại cho Ủy ban nhân dân huyện K quản lý, trực tiếp giao đất và cho cá nhân ông Đặng Minh H thuê theo đúng quy định của pháp luật về đất đai đối với diện tích đất mà ông H đang quản lý và sử dụng trực tiếp, ổn định đúng quy hoạch, đúng dự án trồng cao su tại địa bàn xã C, thị xã B theo Quyết định giao đất số: 17/QĐ-LH ngày 20/03/1989 của LHCXNCS các xí nghiệp cao su Đ (*kèm theo sơ đồ giao đất*) và Quyết định giao đất số 04/QĐ-NT ngày 30/01/1989 của Nông trường C (*Chi nhánh của LHCXNCS các xí nghiệp cao su Đ*), để ông Đặng Minh H có căn cứ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật; vì:

Quyết định số 1179/QĐ-UB ngày 02/5/2001 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cấp giấy Chứng nhận QSDĐ số P 002633 ngày 02/5/2001 cho Nông trường cao su C và Quyết định hành chính số 2477 ngày 22/09/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk “về việc cho Nông trường cao su C thuê 11.873.776m² đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 204476 cho Nông trường cao su C đối với diện tích đất nêu trên” được ban hành không đúng trình tự thủ tục, không có cơ sở pháp lý, trái pháp luật; việc cho thuê và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường cao su C là không đúng đối tượng được giao đất và cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không đúng thẩm quyền về việc giao đất và cho thuê đất vì Nông trường cao su C không phải tổ chức có tư cách pháp nhân đầy đủ. Nông trường cao su C chỉ là chi nhánh của Công ty cổ phần cao su Đ. Ngoài việc cấp không đúng đối tượng, còn cấp giấy chứng nhận chồng lấn lên phần đất mà có chủ sử dụng đất khác là ông Đặng Minh H đang sử dụng đất trực tiếp diện tích đất này (có quyết định giao đất hợp pháp từ năm 1989) và đóng thuế cho Nhà nước theo đúng quy định pháp luật đất đai qua từng thời kỳ.

Hai Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nêu trên của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xâm hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông H là người sử dụng đất, dẫn đến việc ông H không thể kê khai đăng ký quyền sử dụng đất hợp pháp của mình theo quy định pháp luật đất đai, nên cần phải được hủy bỏ và thu hồi.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định giao đất số 1241/QĐ- UB ngày 23/11/1989 giao 16.000 ha đất tại xã C, huyện K cho LHCXNCS các xí nghiệp cao su Đ (*viết tắt là LHCXNCS Đắk Lắk*) nay là Công ty cổ phần Cao su Đ, nhưng lại không căn cứ vào quyết định giao đất này để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên cho cho LHCXNCS Đắk Lắk theo đúng quy định pháp luật đất đai, mà lại thay thế

Quyết định giao đất số 1241/QĐ-UB ngày 23/11/1989 của Công ty mẹ bằng Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số 1179/QĐ-UB ngày 02/5/2001) cho Nông trường Cao su C là chi nhánh của Công ty cổ phần Cao su Đ và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chi nhánh là quyết định hành chính trái pháp luật, sai đối tượng được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Vi phạm nghiêm trọng về chế độ Nhà nước quản lý, sử dụng đất đai trong lĩnh vực đăng ký quyền sử dụng đất lập và quản lý hồ sơ địa chính. Cụ thể:

+ Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành 1 quyết định hành chính có nội dung Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chi nhánh và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thay thế Quyết định giao đất của Công ty mẹ là quyết định hành chính trái pháp luật.

+ Luật Đất đai qua các thời kỳ đã quy định: Chi nhánh của một Công ty không phải là 1 tổ chức kinh tế, không có tư cách pháp nhân nên không phải chủ thể được Nhà nước giao đất và cho thuê đất. Việc ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành 1 quyết định hành chính cho Nông trường Cao su C là chi nhánh của Công ty cổ phần Cao su thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chi nhánh là 1 quyết định hành chính trái pháp luật.

+ Việc ban hành hai quyết định hành chính này đã xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích của gia đình ông H, gây thiệt hại nặng nề cho gia đình ông H trong việc đảm bảo quyền lợi của mình khi thực hiện việc quản lý và sử dụng đất vì hai Quyết định hành chính cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường cao su C mà Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành có cả diện tích 50 ha đất mà gia đình ông H khai hoang để trồng cao su thực hiện theo chủ trương của UBND tỉnh Đắk Lắk và phù hợp với Luật đất đai năm 1987. Ông H là chủ sử dụng đất đang sử dụng đất trực tiếp và đóng thuế cho nhà nước và có quyết định giao đất hợp pháp từ năm 1989 (*Quyết định giao đất số: 17/QĐ-LH ngày 20/03/1989 của LHCXNCS Đắk Lắk, kèm theo sơ đồ giao đất*) và Quyết định giao đất số 04/QĐ-NT ngày 30/01/1989 của Nông trường C (*Chi nhánh của LHCXNCS Đắk Lắk*) cho ông H.

Trước đây ông có một số yêu cầu khởi kiện khác và sau đó đã thay đổi, sửa đổi nội dung khởi kiện. Và hiện nay ông chỉ khởi kiện các nội dung trên, ngoài ra không yêu cầu khởi kiện nào khác. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của ông H.

Đại diện ủy quyền của UBND tỉnh Đắk Lắk ông Nguyễn Tuấn Hà trình bày tại bản tự khai; Người bảo vệ quyền và lợi ích của người bị kiện ông Phạm Văn Phúc trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa như sau:

Diện tích 526.085m² đất mà ông Đặng Minh H khởi kiện nằm trong 02 thửa đất, gồm: Thửa số 15, tờ bản đồ số 31, diện tích 264.872m², loại đất trồng cây lâu năm; thửa đất số 16, tờ bản đồ số 31, diện tích 261.213m², loại đất trồng cây lâu năm đã được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (*Nay là Văn phòng Đăng ký đất đai*) lập trích lục bản đồ địa chính số 456/TL - VPĐKQSDĐ ngày 02/10/2007, nằm trong diện tích 11.873.776m² đất đã được UBND tỉnh Đắk Lắk cho Nông trường cao su C thuê tại Quyết định số 2477/QĐ-UBND/QĐ - UBND ngày 22/9/2008 có nguồn gốc như sau:

Ngày 24/9/1985, UBND tỉnh Đắk Lắk có Công văn số 761/CV-UB về việc phê duyệt ranh giới tổng thể cho vùng cao su hợp tác với nước CHDC Đức, ngày 04/11/1985, LHCXNCS Đắk Lắk có Tờ trình số 315/TT về việc xin cấp đất trồng mới cao su năm 1986 với tổng diện tích tự nhiên vùng trồng mới cao su là 1.600ha tại địa bàn xã Cư bao, huyện K nay là thị xã B. Ngày 23/11/1985, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1241/QĐ-UB giao 1.600 ha đất cho LHCXNCS Đắk Lắk để khai hoang trồng mới cao su tại địa bàn xã C, huyện K. LHCXNCS Đắk Lắk đã tiến hành lập hồ sơ khảo sát, tổ chức khai hoang xây dựng đồng ruộng tại Khu A và Khu B, xã C với diện tích 184,9ha (Trong đó có diện tích 50ha thuộc lô số 40, diện tích 25ha, lô số 41 diện tích 25ha nằm trong Khu A mà ông Đặng Minh H khởi kiện) với tổng kinh phí là 281.507.000 đồng, đã được Sở Xây dựng thẩm tra ngày 27/6/1989.

Thực hiện Luật Đất đai năm 1998, Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai, Thông tư số 346/1998/TT-TCCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 18/4/2001, Sở Địa chính có Tờ trình số 403/TT-ĐC đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường cao su C; ngày 02/5/2001 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1179/QĐ-UB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 002633 cho Nông trường cao su C với diện tích 1.208,05 ha, trong đó có diện tích 526.085m² (*thửa số 15, diện tích 262.364m²; thửa số 16, diện tích 262.848 m²*) mà ông Đặng Minh H khởi kiện.

Thực hiện Luật đất đai năm 2003, Nghị định số 170/2004/NĐ-CP ngày 22/9/2004 của Chính phủ về sắp xếp đổi mới và phát triển nông trường quốc doanh; Quyết định số 64/2005/QĐ-UNND ngày 15/12/2005 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về rà soát hiện trạng sử dụng đất; Xây dựng hoặc điều chỉnh, xét duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết; giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nông trường, lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh, Nông trường cao su C đã rà soát đất đai, lập hồ sơ xin

thuê đất theo quy định của pháp luật. Ngày 01/9/2008, Sở Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 333/TTr - STNMT về việc cho Nông trường cao su C thuê 11.873.776m² đất và cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số AM 204476 để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp; ngày 22/9/2008, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2477/QĐ-UBND/QĐ-UBND về việc cho Nông trường cao su C thuê 11.873.776m² đất để sử dụng và mục đích đất nông nghiệp; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM204476 cho Nông trường cao su C đối với diện tích đất nêu trên.

Thực hiện Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty nông, lâm nghiệp, UBND tỉnh Đắk Lắk đã phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV cao su Đ tại Quyết định số 2201/QĐ-UBND ngày 18/8/2017. Theo đó, toàn bộ diện tích đất sản xuất nông nghiệp tại Nông trường cao su C giữ lại sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật. Thực hiện Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, UBND tỉnh Đắk Lắk đã phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV cao su Đ tại Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 29/12/2017; phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV cao su Đ tại Quyết định số 739/QĐ/UBND ngày 11/04/2018; theo đó, toàn bộ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và vườn cây cao su tại Nông trường cao su C nằm trong phương án cổ phần hóa và xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty.

Về Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường cao su C:

a. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P002633 ngày 02/5/2001

Ngày 13/3/2001, Nông trường cao su C có Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, kèm theo: Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 15/01/1987 của UBND tỉnh về việc thành lập Nông trường cao su C; Quyết định số 1241/QĐ-UB ngày 23/11/1985 của UBND tỉnh Đắk Lắk giao cho LHCXNCS Đắk Lắk 1.600 ha đất tại xã C, huyện K để khai hoang trồng mới cao su; Biên bản lập ngày 13/3/2001 của Hội đồng xét duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường cao su C; Tờ trình số 06/TT/UB ngày 22/3/2001 của UBND xã C về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Tờ trình số 81/TT ngày 05/4/2001 của UBND huyện K về việc phê duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ quy định của Luật Đất đai năm 1993, Nghị định số 04/2000/NĐ-

CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ, Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính. Ngày 18/4/2001, Sở Địa chính có Tờ trình số 403/TT-ĐC đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường cao su C; ngày 02/5/2001, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1179/QĐ-UB về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P002633 cho Nông trường cao su C là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

b. Cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 204476 ngày 22/9/2008.

Ngày 07/8/2008, Sở Tài nguyên và Môi trường nhận Đơn xin thuê đất, kèm theo: Đơn xin cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Báo cáo số 05/BC ngày 12/11/2007 của Nông trường cao su C về kết quả rà soát hiện trạng quỹ đất đang quản lý sử dụng; Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 của Nông trường cao su C lập ngày 27/3/2008; Tờ trình số 149/TTr-TNMT ngày 15/7/2008 của UBND huyện K về việc đề nghị cấp đổi, cấp mới Giấy chứng nhận QSDĐ cho Nông trường cao su C - huyện K.

Căn cứ quy định của Luật Đất đai năm 2003, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai, Nghị định số 170/2004/NĐ-CP ngày 22/9/2004 của Chính phủ, Quyết định số 64/2005/QĐ-UBND ngày 15/12/2005 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Ngày 01/9/2008, Sở Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 333/TTr-STNMT về việc cho Nông trường cao su C thuê 11.873.776m² đất và cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số AM 204476 để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp; ngày 22/9/2008, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2477/QĐ-UBND/QĐ-UBND về việc cho Nông trường cao su C thuê 11.873.776m² đất để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 204476 cho Nông trường cao su C đối với diện tích đất nêu trên là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Đối với các giấy tờ ông Đặng Minh H chứng minh nguồn gốc đất Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk có ý kiến như sau: Ông Đặng Minh H chỉ có Quyết định số 17/QĐ-LH ngày 20/3/1989 của LHCTXNCS Đắk Lắk giao 50 ha đất đã khai hoang năm 1989 - thuộc Lô 40 + 41 của Nông trường C cho ông Đặng Minh H là công nhân lái xe của LHCTXNCS để ông H trồng liên kết cao su, ông H chiếu quyết định để được tiến hành làm hợp đồng kinh tế; ngoài ra, không có giấy tờ gì để chứng minh nguồn gốc đất.

Trên cơ sở Quyết định số 17/QĐ-LH ngày 20/3/1989, ông Đặng Minh H đã ký các Hợp đồng kinh tế vay vốn của Công ty cao su Đ để trồng và chăm sóc

cao su: Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐVV ngày 21/3/1989, Hợp đồng kinh tế số 120/190/HĐ-KT ngày 11/01/1990, Hợp đồng kinh tế số 01/89/HĐ-ĐTVV ngày 01/7/1992, Hợp đồng kinh tế ngày 19/4/1996 và đã thực hiện Hợp đồng theo quy định.

Từ những căn cứ nêu trên, việc ông Đặng Minh H có Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Hủy toàn bộ Quyết định hành chính số 1179/QĐ- UBND ngày 02/5/2001 của UBND tỉnh Đắk Lắk; hủy toàn bộ Quyết định hành chính số 2477 ngày 22/9/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk; buộc UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi đất của Nông trường cao su C giao lại cho UBND huyện K quản lý, trực tiếp giao đất và cho ông H thuê đất đối với diện tích 526.085m² là không có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác toàn bộ nội dung Đơn khởi kiện của ông Đặng Minh H về việc kiện Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần Cao su Đ; Chi nhánh Công ty cổ phần cao su Đ - Nông trường Cao Su C ông Trần Văn Dũng trình bày:

Chủ trương giao đất của UBND tỉnh Đắk Lắk để Công ty trồng cao su:

LHCXNCS Đắk Lắk, nay là Công ty cổ phần cao su Đ được thành lập theo Quyết định số 642/QĐ- UB ngày 21/7/1984 của UBND tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở giải thể Công ty cà phê cao su Đ.

Ngày 25/7/1985, UBND xã C lập biên bản bàn chuyển giao toàn bộ diện tích đất màu trên địa bàn xã để LHCXNCS phát triển cao su.

Sau đó, theo đề nghị của LHCXNCS, ngày 24/9/1985 UBND tỉnh ban hành Công văn số 761/CV-UB về việc phê duyệt ranh giới tổng thể cho vùng cao su hợp tác với Nước cộng hòa dân chủ Đức tại hai địa bàn huyện Cư Mgar và huyện K. Tiếp theo ngày 02/11/1985, đại diện LHCXNCS cùng các ban ngành của tỉnh, huyện K và xã Cư bao lập biên bản số 01/CT xác định hiện trạng đất đai vùng trồng mới cao su năm 1986 tại xã C.

Ngày 04/11/1985 LHCXNCS có tờ trình số 315/TT về việc xin cấp đất trồng cao su năm 1986 với tổng diện tích tự nhiên vùng trồng mới cao su là 1.600 ha tại địa bàn xã Cư bao, huyện K. Trên cơ sở đó ngày 23/11/1985 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1241/QĐ - UB giao cho LHCXNCS 1600ha đất tự nhiên tại xã C, huyện K để quy hoạch khai hoang phục hóa và trồng mới cao su.

Ngày 15/1/1987, Nông trường cao su C - Bình thuận được thành lập theo Quyết định số 41/QĐ-UB của UBND tỉnh Đắk Lắk là đơn vị trực thuộc LHCXNCS; thực hiện vụ trồng cao su trên địa bàn theo quy hoạch vùng cao su đã được UBND tỉnh giao cho LHCXNCS.

Phần triển khai trồng cao su của Công ty:

Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương trồng cao su, ra Quyết định giao đất và thành lập Nông trường; LHCXNCS đã tiến hành khai hoang tại Khu A và Khu B xã Cư bao với diện tích 184,9ha (*Trong đó có diện tích 50ha của ông Đặng Minh H thuộc Khu A*), tổng chi phí khai hoang là 281.507.000 đồng. Hồ sơ thiết kế khai hoang xây dựng đồng ruộng cao su năm 1989 và Bảng dự toán tổng hợp khai hoang của LHCXNCS đã được Sở Xây dựng Đắk Lắk thẩm tra xác nhận ngày 17/6/1989.

Ngày 20/3/1989, LHCXNCS ban hành Quyết định số: 17/QĐ-LH giao 50ha đất đã khai hoang năm 1989 thuộc lô 40 + 41 (*kèm theo Sơ đồ lô cao su ngày 24/02/1989*) cho ông Đặng Minh H để liên kết trồng cao su. Việc LHCXNCS Đắk Lắk giao đất cho ông Đặng Minh H là căn cứ vào Công văn số: 761/CV-UB; ngày 24/9/1985 của UBND tỉnh Đắk Lắk về phê duyệt ranh giới tổng thể vùng cao su hợp tác với CHDC Đức và Quyết định số: 1241/QĐ-UB ngày 23/11/1985 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 21/3/1989, LHCXNCS và ông Đặng Minh H ký Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐVV vay vốn trồng mới cao su thiên nhiên, diện tích 50 ha (Theo Quyết định số 17/QĐ-LH nói trên).

Ngày 11/11/1990, LHCXNCS và ông Đặng Minh H ký lại hợp đồng kinh tế dài hạn số 120/190/HĐ-KT trồng mới và chăm sóc cao su thiên nhiên, diện tích, 50ha.

Ngày 19/3/1993, Doanh nghiệp nhà nước Công ty cao su Đ được thành lập theo Quyết định số 180/QĐ-UB của UBND tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở chuyển đổi từ LHCXNCS các xí nghiệp cao su tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi Công ty được thành lập, để quản lý chặt chẽ hợp đồng liên kết, ngày 07/5/1994 Công ty có thông báo số 70/TB-CT ủy quyền cho Giám đốc các Nông trường thuộc Công ty ký kết hợp đồng vay vốn trồng và chăm sóc cao su với các hộ liên kết và 327 năm trên địa bàn thuộc Nông trường quản lý. Theo chủ trương trên, ngày 19/4/1996, Nông trường cao su C và ông Đặng Minh H ký tại Hợp đồng kinh tế vay vốn dài hạn trồng mới và chăm sóc cao su thiên nhiên, diện tích 50ha và thực hiện ổn định cho đến nay. Theo Hợp đồng này, thì thời hạn hợp đồng là 32 năm. Theo đó, sau khi hết hạn thì hai bên sẽ tiến hành thanh lý vườn cây cao su, thanh lý Hợp đồng; đồng thời Công ty sẽ thu hồi lại toàn bộ diện tích đất đã giao cho ông Đặng Minh H quản lý, sử dụng để sản xuất theo định hướng, kế hoạch của công ty.

Do Nông trường cao su C là đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất mà UBND tỉnh giao cho LHCXNCS để trồng cao su trước đây vào năm

1985; vì vậy, ngày 02/5/2001 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1179/QĐ-UB về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 002633 cho Nông trường cao su C với diện tích 1.208,05ha, trong đó có diện tích 50 thuộc Hợp đồng liên kết trồng cao su với ông Đặng Minh H (*Quyết định này thay thế Quyết định số: 1241/QĐ -UB ngày 23/11/1985 của UBND tỉnh Đắk Lắk*)

Ngày 22/9/2008, UBND tỉnh ban hành Quyết định số: 2477/QĐ-UBND cho Nông trường cao su C thuê 11.873.77m² đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp và cấp Giấy CNQSDĐ số AM204476 cho Nông trường cao su C với diện tích nêu trên (*Trong đó có diện tích 526.085m² thuộc trường hợp Hợp đồng liên kết trồng cao su với ông Đặng Minh H*).

Như vậy, sau khi rà soát, điều chỉnh lại thì diện tích đất cao su tại Quyết định số: 2477/QĐ-UBND ngày 22/9/2008 của UBND tỉnh cho Nông trường cao su C thuê giảm 956m² đất cao su (*11.873.776m² - 11.969.300m²*) so với Quyết định số: 1179/QĐ-UB ngày 02/5/2001 về việc cấp Giấy CNQSDĐ số P 002633.

Hiện nay, Công ty đang thực hiện việc trả tiền thuê đất cho Nhà nước theo Hợp đồng thuê đất số: 110/HĐ-TĐ ngày 27/11/2008 và Phụ lục Hợp đồng số: 179/PL-HĐTĐ ngày 27/7/2016; giá thuê đất thực hiện theo Quyết định số: 358/QĐ-UBND ngày 31/11/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk và diện tích thuê 11.873.776m² theo Giấy CNQSDĐ số AM 204476.

Khi Công ty TNHH MTV Cao su Đ xây dựng Phương án cổ phần hóa theo chỉ đạo của UBND tỉnh, ngày 18/8/2017 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2264/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của Công ty tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk là 9.305,28ha trong đó diện tích tại thị xã B (*do Nông trường C quản lý, trong đó có cả diện tích đất thuộc Hợp đồng liên kết trồng cao su với ông Đặng Minh H*) là 1.19494,65ha và Công ty, Nông trường đã quản lý, sử dụng ổn định cho đến nay về thực hiện nghĩa vụ ngân sách nhà nước của Công ty: Trên cơ sở Quyết định giao đất, cấp đất của UBND tỉnh cho Nông trường cao su C từ năm 2002 trở về trước Công ty thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thuế sử dụng đất nông nghiệp của Nông trường cao su C (*trong đó có diện tích cao su liên kết với ông H*) tại Cục thuế tỉnh Đắk Lắk. Năm 2003, Cục thuế tỉnh Đắk Lắk chuyển cho Chi cục thuế huyện K quản lý. Từ năm 2008 đến nay UBND tỉnh Đắk Lắk chuyển sang cho Nông trường cao su C thuê đất và trả tiền thuê đất hàng năm thì Công ty thực hiện nghĩa vụ thuế tại Cục thuế tỉnh Đắk Lắk (*kể cả các Chi nhánh Nông trường trực thuộc khác*).

Về nội dung khởi kiện của ông Đặng Minh H đối với diện tích đất trồng cao su liên kết giữa ông Đặng Minh H với Nông trường cao su C trực thuộc Công ty cổ phần Cao su Đ mà hiện nay ông H đang quản lý, sử dụng đã được

UBND tỉnh giao cho LHCXNCS Đắc Lắc (*nay là Công ty cổ phần cao su Đ*) từ năm 1985 để khai hoang trồng cao su và nay đã được UBND tỉnh Đắc Lắc ban hành Quyết định cho thuê và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường cao su C và sau này có Quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất khi công ty cổ phần phân hóa là đúng chủ trương phát triển cao su trên địa bàn và đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật đất đai. Việc LHCXNCS ra Quyết định số 17/QĐ-LH ngày 20/3/1989 giao 50ha đất đã khai hoang thuộc lô 40 + 41 của Nông trường C cho ông Đặng Minh H là để ông H liên kết trồng cao su.

Do đó, Công ty cổ phần cao su Đ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc: Bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông Đặng Minh H.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 13/2021/HC-ST ngày 09/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Đặng Minh H về việc:

Yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định hành chính số 1179/QĐ-UB ngày 02/5/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắc Lắc “*về việc cấp giấy Chứng nhận QSDĐ số P002633 ngày 02/05/2001 cho Nông trường cao su C*”, yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Đắc Lắc buộc phải thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ số P002633 của Nông trường Cao su C;

Yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định hành chính số 2477 ngày 22/09/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắc Lắc về việc cho Nông trường cao su C thuê 11.873.776m² đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 204476 cho Nông trường cao su C đối với diện tích đất nêu trên và yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Đắc Lắc buộc phải thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ số AM 204476 của Nông trường cao su C;

Yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Đắc Lắc buộc phải thu hồi toàn bộ diện tích đất của Nông trường Cao su C, giao đất trực tiếp và cho Công ty Phúc Nguyên do ông H thành lập tiếp tục thuê đất trồng cao su theo quy định quản lý nhà nước về đất đai đối với 50ha đất mà ông H đang trực tiếp quản lý và sử dụng hoặc giao lại cho Ủy ban nhân dân huyện K quản lý, trực tiếp giao đất và

cho cá nhân ông Đặng Minh H thuê theo đúng quy định của pháp luật về đất đai, để ông Đặng Minh H có căn cứ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, ông Đặng Minh H kháng cáo đối với toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 13/2021/HC-ST ngày 09/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của ông Đặng Minh H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đặng Minh H không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính và về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX tuyên bác kháng cáo của ông Đặng Minh H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của những người tham gia tố tụng, ý kiến của Kiểm sát viên và sau khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các tài liệu chứng cứ ông Đặng Minh H xuất trình để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, đó là:

[1.1] Quyết định số 04/QĐ-NT ngày 30/01/1989 của Nông trường C:

Tuy nhiên, Quyết định này là quyết định tạm giao đất cho ông H để ông H tiến hành triển khai công tác chuẩn bị trồng mới cao su: “*tạm giao đất, số lượng 50 ha... tiến hành triển khai các công tác chuẩn bị trồng mới cao su...*”; hiện trạng 50 ha đất tạm giao cho ông Đặng Minh H thì diện tích đất này đã được khai hoang: “*số lượng 50 ha đã được khai hoang...*”; việc khai hoang của Nông trường C phù hợp với Hồ sơ thiết kế khai hoang năm 1989 và bảng dự toán tổng hợp khai hoang được Sở xây dựng tỉnh Đắk Lắk thẩm tra, xác nhận ngày 27/6/1989 (*Tổng chi phí khai hoang là 281.507.000 đồng*). Bên cạnh đó, tại thời điểm tạm giao này thì diện tích đất 50 ha này do Nông trường C trực tiếp quản lý nên Quyết định tạm giao đất số 04/QĐ-NT ngày 30/01/1989 của Nông trường C là cơ sở cho ông H lập hợp đồng với Liên hiệp các xí nghiệp cao su Đ (*gọi tắt là LHCXNCS Đắk Lắk*) theo chủ trương liên kết trồng cao su với các đơn vị và cá nhân của Tổng giám đốc LHCXNCS Đắk Lắk (*Hợp ngày 30/12/1988*).

[1.2] Quyết định số 17/QĐ-LH ngày 20/3/1989 của LHCXNCS Đắk Lắk:

Quyết định số 17/QĐ-LH ngày 20/3/1989 của LHCXNCS Đắk Lắk, trên cơ sở Quyết định tạm giao đất số 04/QĐ-NT ngày 30/01/1989 của Nông trường C như đã nêu trên [1.1]; Quyết định này có nội dung giao 50 ha đất: “*đã khai hoang năm 1989 - thuộc Lô 40 + 41 của Nông trường C*” cho ông Đặng Minh H nhằm liên kết trồng cao su với ông H: “*để ông H trồng liên kết cao su*” và trên cơ sở quyết định này, ông H được tiến hành làm hợp đồng kinh tế: “*Điều 2: ...ông Đặng Minh H chiếu quyết định tiến hành làm hợp đồng kinh tế cụ thể*”.

Trên cơ sở Quyết định số 17/QĐ-LH ngày 20/3/1989, ông Đặng Minh H đã ký các Hợp đồng kinh tế vay vốn của Công ty cao su Đ để trồng và chăm sóc cao su như: Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐVV ngày 21/3/1989, Hợp đồng kinh tế số 120/190/HĐ-KT ngày 11/01/1990, Hợp đồng kinh tế số 01/89/HĐ-ĐTVV ngày 01/7/1992, Hợp đồng kinh tế ngày 19/4/1996 và tất cả các hợp đồng kinh tế này đều có nội dung thỏa thuận việc ông H vay vốn của LHCXNCS Đắk Lắk để trồng mới và chăm sóc 50 ha cao su; trong quá trình trồng và chăm sóc cây cao su thì ông H phải chịu sự kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất đai của LHCXNCS Đắk Lắk: “*Phải chịu sự kiểm tra thường xuyên của bên A về ...và sử dụng đất đai trong hết thời kỳ chăm sóc và chu kỳ kinh tế của cây cao su*” và hết chu kỳ của cây cao su (32 năm) thì gỗ cây cao su do bên LHCXNCS Đắk Lắk được quyền định đoạt: “*Hết chu kỳ kinh tế (32 năm) sản phẩm gỗ của cây cao su được bên A bán...*”. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay và hồ sơ vụ án do Tòa án nhân dân thị xã B giải quyết năm 2015, ông H khởi kiện Chi cục thuế thị xã B, ông H thừa nhận (*tại đơn khởi kiện và các lời khai*) về diện tích 50 ha đất mà ông H đang khởi kiện trong vụ án này là của Công ty cao su Đ, không phải đất của gia đình ông; thể hiện diện tích đất 50 ha giao cho ông H đã được LHCXNCS Đắk Lắk khai hoang trước khi giao đất cho ông H và LHCXNCS Đắk Lắk giao cho ông H là để liên kết với ông H trồng cao su.

Do đó, việc ông H khiếu nại cho rằng 50 ha đất là do ông H khai hoang và LHCXNCS Đắk Lắk giao cho ông H sử dụng ổn định lâu dài để làm kinh tế gia đình là không có cơ sở chấp nhận.

[2] Diện tích 526.085m² đất mà ông Đặng Minh H khởi kiện là 02 thửa đất: Thửa số 15, tờ bản đồ số 31, diện tích 264.872m² (*loại đất trồng cây lâu năm*) và thửa đất số 16, tờ bản đồ số 31, diện tích 261.213m² (*loại đất trồng cây lâu năm*); hai thửa đất số 15 và 16 tờ bản đồ số 31 này nằm trong tổng diện tích 1.600 ha đất do UBND tỉnh Đắk Lắk giao cho LHCXNCS Đắk Lắk theo Quyết định số 1241/QĐ-UB ngày 23/11/1985, để khai hoang trồng mới cao su tại địa bàn xã C, huyện K.

Nông trường cao su C là đơn vị trực thuộc LHCXNCS Đắc Lắc, được thành lập theo Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 15/01/1987 của UBND tỉnh Đắc Lắc; theo Điều I của Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 15/01/1987 thì Nông trường cao su C có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có tổ chức chặt chẽ và hoạch toán độc lập. Do đó: Thực hiện Luật Đất đai năm 1993, Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai, Thông tư số 346/1998/TT- TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính; ngày 02/5/2001 UBND tỉnh Đắc Lắc ban hành Quyết định số 1179/QĐ-UB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 002633 cho Nông trường cao su C với diện tích 1.208,05 ha (*trong đó có diện tích 526.085 m² mà ông Đặng Minh H khởi kiện*) và thực hiện Luật đất đai năm 2003, Nghị định số 170/2004/NĐ-CP ngày 22/9/2004 của Chính phủ; Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ và Quyết định số 64/2005/QĐ-UBND ngày 15/12/2005 của UBND tỉnh Đắc Lắc. UBND tỉnh Đắc Lắc ban hành Quyết định số 2477/QĐ-UBND ngày 22/9/2008 cho Nông trường cao su thuê 11.873.776m² đất và cấp lại Giấy chứng nhận QSDĐ số AM 204476 để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp (*Trong đó có diện tích 526.085 m² mà ông Đặng Minh H khởi kiện*) là phù hợp, có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Từ những nhận định nêu trên, HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Minh H.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo là ông Đặng Minh H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính. Bác kháng cáo của ông Đặng Minh H và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Bác đơn khởi kiện của ông Đặng Minh H về các yêu cầu sau đây:

- Yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 1179/QĐ-UB ngày 02/5/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắc Lắc “*về việc cấp giấy Chứng nhận QSDĐ số P002633 ngày 02/05/2001 cho Nông trường cao su C*” và yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Đắc Lắc phải thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ số P002633 của Nông trường Cao su C;

- Yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 2477 ngày 22/09/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; về việc cho Nông trường cao su C thuê và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 204476 cho Nông trường cao su C đối với diện tích đất 11.873.776m² và yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk phải thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ số AM 204476 của Nông trường cao su C;

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk phải thu hồi toàn bộ diện tích đất của Nông trường Cao su C để giao đất trực tiếp và cho Công ty Phúc Nguyên do ông H thành lập tiếp tục thuê đất trồng cao su theo quy định quản lý nhà nước về đất đai đối với 50ha đất mà ông H đang trực tiếp quản lý và sử dụng hoặc giao lại cho ủy ban nhân dân huyện K quản lý, trực tiếp giao đất và cho cá nhân ông Đặng Minh H thuê theo đúng quy định của pháp luật về đất đai, để ông Đặng Minh H có căn cứ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đặng Minh H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000đ tại biên lai thu số 02827 ngày 05/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh